

Số: 62 /KH-UBND

Xã Nguyễn Việt Khái, ngày 13 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Nguyễn Việt Khái giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chương trình số 11-CTr/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 18/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về Chuyển đổi số tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 – 2030.

Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số xã Nguyễn Việt Khái giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Góp phần xây dựng Chính quyền số tỉnh Cà Mau và xã Nguyễn Việt Khái hoạt động thống nhất, thông suốt trên môi trường số, từng bước chuyển mạnh từ ứng dụng công nghệ thông tin sang quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu, gắn với cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Phát triển kinh tế số theo hướng thiết thực, tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế của xã; thúc đẩy xã hội số gắn với phổ cập kỹ năng số, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, thu hẹp khoảng cách số, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

* Đến năm 2027

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% hồ sơ, giấy tờ, thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ, tái sử dụng, người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong một hoặc một số khâu (hỗ trợ tiếp nhận, hướng dẫn hồ sơ, tra cứu, phân loại, giám sát tiến độ).

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% hồ sơ công việc của các cơ quan, đơn vị được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

- Tối thiểu 50% cán bộ chuyên trách CNTT, chuyển đổi số được đào tạo kiến thức quản trị dữ liệu ở mức cơ bản.

** Đến năm 2030*

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI ở mức độ phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ điện tử và được tái sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính.

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của UBND xã, Chủ tịch UBND xã được theo dõi, giám sát trên môi trường số.

- Tối thiểu 70% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng công cụ số thông minh, trợ lý ảo trong xử lý công việc.

- 100% cán bộ chuyên trách CNTT, chuyển đổi số được đào tạo kiến thức quản trị dữ liệu ở mức cơ bản.

- 100% hệ thống thông tin của xã được phê duyệt, đánh giá bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, kiểm tra định kỳ theo quy định.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh

** Đến năm 2027*

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP xã đạt 15%.
 - Tỷ trọng thương mại điện tử đạt trên 15% tổng mức bán lẻ hàng hóa của xã.
 - Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử, thanh toán số đạt 50%.
 - Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt thương mại – dịch vụ đạt 50%.
- * Đến năm 2030*
- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP xã đạt 20%.
 - Tỷ trọng thương mại điện tử đạt trên 20% tổng mức bán lẻ hàng hóa của xã.
 - Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử, thanh toán số đạt 70% trở lên.
 - Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt thương mại – dịch vụ đạt 70% trở lên.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- * Đến năm 2027*
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép đạt 80%.
 - Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 50%.
 - Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt từ 95% trở lên.
 - Tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt 80%.
 - Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 90% dân số.
- * Đến năm 2030*
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép đạt 95%.
 - Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 70%.
 - Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.
 - Tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt 95%.
 - Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
 - 100% người dân có khả năng tiếp cận thông tin, truyền thông chính thống của tỉnh trên nền tảng số.
 - 100% hộ gia đình có kết nối Internet được phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia.

II. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Rà soát kiện toàn Ban Chỉ đạo của xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa chuyển đổi số với cải cách hành chính và phát triển kinh tế – xã hội của xã.

Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm và 5 năm của xã, của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, hình thức.

Tăng cường theo dõi, giám sát kết quả thực hiện chuyển đổi số dựa trên dữ liệu, từng bước chuyển từ phương thức quản lý truyền thống sang quản trị số; khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã, Chủ tịch UBND xã.

Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để chỉ đạo tháo gỡ; điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu mới của Trung ương, của tỉnh.

2. Thể chế, chính sách số

Thực hiện rà soát, cập nhật định kỳ các văn bản liên quan trong quá trình triển khai Kế hoạch, bảo đảm kịp thời điều chỉnh khi có quy định mới của Trung ương, của tỉnh hoặc phát sinh yêu cầu thực tiễn tại địa phương.

Nghiên cứu, đề xuất triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với một số mô hình, giải pháp công nghệ số, mô hình kinh doanh mới trong các lĩnh vực phù hợp với điều kiện của xã (như nông nghiệp số, thương mại điện tử, du lịch số,...), làm cơ sở đánh giá, hoàn thiện chính sách trước khi nhân rộng.

3. Hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, thống nhất, ưu tiên sử dụng hạ tầng số dùng chung của tỉnh; bảo đảm đáp ứng yêu cầu triển khai Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, tránh đầu tư phân tán, trùng lặp.

Kết nối, khai thác hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước; bảo đảm an toàn, ổn định, thông suốt trong chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng 5G, ưu tiên phủ sóng tại trung tâm hành chính, các chợ, khu vực tập trung đông dân cư.

Khuyến khích doanh nghiệp viễn thông đầu tư hạ tầng viễn thông kiên cố, bền vững, phù hợp đặc điểm địa hình, khí hậu và tình hình thiên tai của xã; ưu tiên các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, triều cường.

Tăng cường đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại vùng sâu, vùng xa, bảo đảm người dân có điều kiện tiếp cận dịch vụ số, dịch vụ hành chính công; góp phần thu hẹp khoảng cách số và phục vụ yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Nhân lực số

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Tổ chức bồi dưỡng tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, gắn với thực tiễn chỉ đạo, điều hành tại địa phương; nâng cao năng lực ra quyết định trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu và các hệ thống thông tin dùng chung.

5. Phát triển dữ liệu số

Phối hợp xây dựng, đưa vào vận hành Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, tập trung tích hợp, liên thông dữ liệu từ các lĩnh vực trọng điểm như: đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, doanh nghiệp... phục vụ chia sẻ, khai thác, phân tích dữ liệu cho công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính và phát triển kinh tế – xã hội.

Phối hợp xây dựng, công bố dữ liệu mở của tỉnh theo quy định, ưu tiên các tập dữ liệu có giá trị sử dụng cao như dữ liệu quy hoạch, dữ liệu quan trắc môi trường, dữ liệu giao thông, dịch vụ đô thị... tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số.

6. An toàn thông tin mạng

Phối hợp triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật và quy trình quản lý nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn lộ lọt dữ liệu; bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình thu thập, quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước.

7. Chính quyền số

Phối hợp triển khai trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, tích hợp trên các nền tảng dùng chung của tỉnh nhằm hỗ trợ tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật, quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn chuyên môn, tìm kiếm và tổng hợp thông tin từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh. Tiến tới hỗ trợ phân tích dữ liệu, gợi ý phương án xử lý công việc, hỗ trợ soạn thảo báo cáo, văn bản hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả tham mưu, rút ngắn thời gian xử lý công việc và hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Hoàn thiện mô hình chính quyền số cấp xã theo hướng thống nhất, thông suốt, hiện đại; đảm bảo quá trình tạo lập dữ liệu gốc, có trách nhiệm cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ dữ liệu phát sinh trong quá trình quản lý và giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm chuẩn hóa, liên thông, chia sẻ an toàn với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp trên phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Chuẩn hóa và triển khai thống nhất quy trình làm việc trên môi trường số, bảo đảm toàn bộ hồ sơ công việc, hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, ký số, lưu trữ và theo dõi tiến độ trên hệ thống thông tin dùng chung; từng bước hình thành nền hành chính cơ sở hoạt động dựa trên dữ liệu, công khai, minh bạch và hiệu quả.

8. Kinh tế số và xã hội số

Phối hợp triển khai chương trình khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với các ngành, lĩnh vực tại địa phương.

Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử, thanh toán số.

Kết nối doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xã với hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ số của doanh nghiệp công nghệ số; khuyến khích đặt hàng, thuê dịch vụ số thay vì tự đầu tư.

Khuyến khích hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã, từng bước tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ số cho cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số địa phương tham gia các chương trình, dự án chuyển đổi số của tỉnh; từng bước hình thành lực lượng sản xuất tiên tiến thúc đẩy kinh tế số ngành, lĩnh vực.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm:

- Y tế thông minh: Phối hợp triển khai phát triển hệ thống y tế thông minh theo lộ trình phù hợp; tăng cường số hóa hồ sơ, dữ liệu y tế; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu trong quản lý khám chữa bệnh, dự phòng và chăm sóc sức khỏe người dân.

- Giáo dục thông minh: Khai thác kho học liệu số, học liệu mở, thúc đẩy sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ dạy và học, đổi mới phương thức giáo dục gắn với thực tiễn.

- Các lĩnh vực khác: Thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp, thương mại, dịch vụ phù hợp điều kiện thực tế của xã; ưu tiên các mô hình có khả năng nhân rộng.

Tổ chức phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân, ưu tiên các nhóm đối tượng như người dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi, hộ sản xuất nhỏ, tiểu thương; trang bị kỹ năng sử dụng thiết bị số, Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số và các nền tảng số thiết yếu. Khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, thông qua các chương trình truyền thông, nền tảng “Bình dân học vụ số”; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở. Qua đó, thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ công, dịch vụ xã hội trên môi trường số, góp phần xây dựng xã hội số toàn diện, bao trùm trên địa bàn xã.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số bằng nhiều hình thức phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của xã, các nền tảng số và mạng xã hội chính thống; tập trung tuyên truyền mục tiêu, lợi ích, kết quả chuyển đổi số gắn với cải cách thủ tục hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường truyền thông, hướng dẫn về an toàn thông tin, an ninh mạng, nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng ngừa rủi ro trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp; góp phần bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng các dịch vụ số.

Phát hiện, lựa chọn và nhân rộng các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; tổ chức chia sẻ kinh nghiệm, phổ biến các mô hình điển hình để áp dụng phù hợp trên phạm vi toàn xã. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu có thành tích trong triển khai chuyển đổi số, cải cách hành chính và bảo đảm an toàn thông tin; tạo động lực, khuyến khích các cơ quan, đơn vị, cá nhân tích cực tham gia và đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số.

III. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu trong triển khai chuyển đổi số, xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản lý, điều hành. Gắn trách nhiệm và kết quả thực hiện chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng hằng năm. Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành theo hướng dựa trên dữ liệu, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung.

2. Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

Đẩy mạnh công tác truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số, tập trung vào lợi ích thiết thực đối với người dân, doanh nghiệp. Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; phổ cập kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh. Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ số tại cơ sở.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số thông qua đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT, dữ liệu, AI, an toàn thông tin; nghiên cứu áp dụng cơ chế đặc thù để thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp công nghệ trong đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao tri thức và kinh nghiệm thực tiễn; từng bước hình thành đội ngũ nhân lực nòng cốt về chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của xã.

4. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp để bảo đảm nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số hoặc lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ xã hội hóa, hợp tác công tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo của xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Chỉ đạo, điều phối chung việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị. Kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện của các cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã về kết quả triển khai chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo)

Chủ trì tham mưu Ban Chỉ đạo tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai đầy đủ các nhiệm vụ chuyển đổi số theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ.

Kịp thời nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, tham mưu Ban Chỉ đạo xem xét, chỉ đạo tháo gỡ; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cấp trên; tổng hợp số liệu, đánh giá kết quả triển khai, phục vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực số, tư duy chuyển đổi số và quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý; từng bước chuẩn hóa yêu cầu về kỹ năng số theo vị trí việc làm.

Nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách về thu hút, sử dụng và đãi ngộ nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cấp trên.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công

Chủ trì quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống hợp trực tuyến của Ủy ban nhân dân xã và hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice); bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và phục vụ nhân dân.

Phối hợp triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, cải thiện chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp; phối hợp với các sở ngành tỉnh trong kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính trên môi trường số.

Tham mưu triển khai công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, đổi mới quy trình nội bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu UBND xã bố trí nguồn kinh phí phù hợp với khả năng cân đối ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách và các văn bản pháp luật có liên quan. Thực hiện thẩm định dự toán kinh phí, nguồn vốn và phương án tài chính đối với các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số thuộc thẩm quyền cấp xã; bảo đảm bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí cho chuyển đổi số; kịp thời tham mưu điều chỉnh phương án phân bổ kinh phí phù hợp với tiến độ, kết quả triển khai và khả năng cân đối ngân sách của xã.

5. Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Đề nghị Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các đoàn thể chính trị – xã hội phối hợp lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này vào kế hoạch, chương trình chuyển đổi số của cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.

Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin giữa cơ quan Đảng, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và giám sát; phát huy vai trò tuyên truyền, vận động, giám sát xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã.

6. Trung tâm Công ích, Trang Thông tin điện tử xã

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số, góp phần chuyển đổi nhận thức của xã hội thông qua các kênh truyền thông tại địa phương; tập trung phổ biến chủ trương, chính sách, mô hình, kết quả triển khai chuyển đổi số.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế; trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Phòng Văn hóa – Xã hội để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&CN (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các đơn vị tại Mục IV;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- Ban Chỉ huy Quân sự, Công an xã;
- Lưu: VT(L.87).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Tuyên



Phụ lục I
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 13/4/2026 của UBND xã Nguyễn Việt Khái)

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện
I	Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
1	Thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	100%	-	Trung tâm Phục vụ hành chính công
2	Hồ sơ, giấy tờ, thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ, tái sử dụng, người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước	100%	-	Trung tâm Phục vụ hành chính công
3	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong một hoặc một số khâu (hỗ trợ tiếp nhận, hướng dẫn hồ sơ, tra cứu, phân loại, giám sát tiến độ).	100%	-	Trung tâm Phục vụ hành chính công
4	Người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	99%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
5	Hồ sơ công việc cơ quan được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	-	Các phòng, ban, ngành trực thuộc UBND xã, các đơn vị trường học, y tế, công an, quân sự
6	Thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường số.	100%	-	Các phòng, ban, ngành trực thuộc UBND xã, các đơn vị trường học, y tế, công an, quân sự
7	Cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.	100%	-	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện
8	Cán bộ chuyên trách CNTT, chuyển đổi số được đào tạo kiến thức quản trị dữ liệu ở mức cơ bản.	50%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
9	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ điện tử và được tái sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính	-	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
10	Cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng công cụ số thông minh, trợ lý ảo trong xử lý công việc.	-	70%	Phòng Văn hóa – Xã hội
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh			
11	Đóng góp vào tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh	15%	20%	Phòng Kinh tế
12	Đóng góp vào tỷ trọng thương mại điện tử của tỉnh	15%	20%	Phòng Kinh tế
13	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử, thanh toán số	50%	>70%	Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa – Xã hội; Doanh nghiệp viễn thông
14	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt thương mại – dịch vụ	50%	>70%	Phòng Văn hóa – Xã hội; Phòng Kinh tế; các tổ chức cung cấp dịch vụ tín dụng, ngân hàng
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
15	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép.	80%	95%	Phòng Văn hóa – Xã hội; các tổ chức cung cấp dịch vụ tín dụng, ngân hàng
16	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	70%	Phòng Văn hóa – Xã hội; các doanh nghiệp viễn thông
17	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	>95%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội; Trạm y tế

STT	Mục tiêu	Đến năm 2027	Đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị thực hiện
18	Tỷ lệ người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản	80%	>95%	Phòng Văn hóa – Xã hội; Tổ công nghệ số cộng đồng
19	Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng	90% dân số	99% dân số	Phòng Văn hóa – Xã hội; Phòng Kinh tế; các doanh nghiệp viễn thông
20	Người dân có khả năng tiếp cận thông tin, truyền thông chính thống trên nền tảng số.	-	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội; các doanh nghiệp viễn thông
21	Hộ gia đình có kết nối Internet được phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia.	-	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội; các doanh nghiệp viễn thông



Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYÊN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 (BAO GỒM CHỦ TRÌ VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN)

(Kèm theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 13/4/2026 của UBND xã Nguyễn Việt Khải)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số			
1	Kiến tạo toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; phân công rõ trách nhiệm cá nhân, gắn với kết quả thực hiện chuyển đổi số.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; VP UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Công an tỉnh	2026 - 2030
2	Xây dựng và vận hành cơ chế theo dõi, giám sát tập trung việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh trên môi trường số, bảo đảm thống nhất từ cấp tỉnh đến xã, phường. Tích hợp vào Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) phục vụ tổng hợp, phân tích, trực quan hóa và giám sát theo thời gian thực, hỗ trợ lãnh đạo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo, điều hành và điều chỉnh nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp thực tiễn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng HĐND và UBND xã	2026 - 2030
II	Thế chế, chính sách			
3	Đề xuất triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với một số mô hình chuyển đổi số trong nông nghiệp, du lịch, thương mại điện tử.	Sở NN&MT; Sở VHTT&DL; Sở Công thương	Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa – Xã hội	2026 - 2028
III	Nhân lực số			
4	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách CNTT, chuyển đổi số về quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Phòng Văn hóa – Xã hội	2026 - 2030
IV	Phát triển dữ liệu số			
5	Xây dựng, đưa vào vận hành Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dịch vụ dữ liệu mở (OpenData)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các phòng, ban, ngành	2026 - 2027
V	An toàn an thông tin mạng			

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Tăng cường bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn dữ liệu, kết hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân.	Công an tỉnh	Công an xã; Phòng Văn hóa – Xã hội	2026 - 2030
VI	Chính quyền số			
7	Hoàn thiện mô hình chính quyền số cấp theo hướng thống nhất, thông suốt, hiện đại.	Văn Phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa – Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, chuyên ngành; Doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số	2026 - 2028
8	Nghiên cứu triển khai Nền tảng quản trị tổng thể dùng chung, thống nhất, phục vụ quy trình quản trị nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng HĐND và UBND xã	2027 - 2028
VII	Kinh tế số và xã hội số			
9	Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số, thương mại điện tử, thanh toán số.	Sở Tài chính	Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa – Xã hội	2026 - 2030
10	Tổ chức đo lường, đánh giá trực tuyến mức độ phát triển kinh tế số và mức độ chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực, địa phương theo khung hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa – Xã hội	2026 - 2030
11	Phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh (nông nghiệp, thương mại – dịch vụ, du lịch, logistics); tổ chức đánh giá, tổng kết, lựa chọn mô hình hiệu quả để nhân rộng.	Sở NN&MT; Sở VHTT&DL; Sở Xây dựng; Sở Công thương và các đơn vị có liên quan	Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa – Xã hội	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
12	Tổ chức phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số và các nền tảng số thiết yếu, góp phần thu hẹp khoảng cách số và thúc đẩy phát triển xã hội số trên địa bàn.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành liên quan	2026 - 2030